

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2025
“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hòa Quang Trường và ông Hoàng Duy Am

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 01A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Trương Đình H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Th trình bày:*

Ông Th và bà L đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Từ năm 2019 Ông Th và bà L đã không còn chung sống với nhau, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn bất đồng

quan điểm, tư tưởng không ổn định. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa Ông Th và bà L không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông Th được ly hôn với bà L.

Ông Th và bà L có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 10/02/2016. Hiện tại các con đang sống chung với Ông Th. Sau khi ly hôn, Ông Th xin nhận quyền nuôi cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Ông Th không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình trốn tránh, vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Người làm chứng ông Trương Đình H trình bày:* Ông H có quan hệ là bố đẻ của bà L. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng ông Th và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, hiện tại ông Th cùng các con đã chuyển về huyện K, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống còn bà L thì đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị Tòa án xử cho Ông Th, bà L được ly hôn với nhau; Về con chung giao cho Ông Th nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Ông Th chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa Ông Th và bà L vào ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Đã từ nhiều năm Ông Th và bà L không còn chung sống với nhau, các bên đều đã có cuộc sống riêng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Ông Th là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho Ông Th được ly hôn với bà L.

[3] Về con chung: Ông Th và bà L có 02 con chung gồm: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 10/02/2016. Hiện nay các con đang sống cùng với Ông Th. Các con có nguyện vọng được sống cùng với Ông Th sau khi vợ chồng ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi cho các con, HĐXX cần tiếp tục giao con cho Ông Th nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Trương Thị L.

2. Về con chung: Giao cho Ông Th nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 10/02/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0008858 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Đức Hợi